

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ VINH YÊN  
TỈNH VINH PHÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2025/HS-ST  
Ngày 29-4-2025

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH YÊN, TỈNH VINH PHÚC

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phùng Thị Tố Uyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Thúy Nga

Bà Vũ Thị Kim Dung

**Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đình Trinh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 38/2025/HSST ngày 28 tháng 3 năm 2025 theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số: 47/2025/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2025 đối với các bị cáo:

1, Lê Quang T, sinh ngày 03 tháng 11 năm 19XX tại xã H, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn Lê Lợi, xã H (nay là xã H1), huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đình T2 và bà Phùng Thị M; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Có 01 tiền sự: Tại Quyết Đ áp dụng biện pháp xử lý hành C1 số 08/2022/QĐ-TA ngày 23/8/2022 Toà án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc áp dụng biện pháp xử lý hành C1 đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Lê Quang T thời hạn 24 tháng. Ngày 30/8/2024, chấp hành xong. Nhân thân: Tại Quyết Đ xử phạt vi phạm hành C1 số 65/QĐ-XPVPHC ngày 27/02/2014 Công

an phường HT, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc phạt Lê Quang T 1.500.000đồng về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 12/3/2014, T đã thi hành xong. Tại Quyết Đ xử phạt vi phạm hành C1 số 68 ngày 06/8/2021 Công an thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc phạt Lê Quang T 200.000đồng về hành vi đánh bạc. Ngày 10/8/2021, T đã thi hành xong. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03 tháng 12 năm 2024 đến nay “có mặt”.

2, Nguyễn Văn Đ , sinh ngày 10 tháng 8 năm 19XX tại phường HT, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Tổ dân phố Lê 1, phường HT, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Gia và bà Phạm Thị Hồng; có vợ là: Đỗ Thị Loan (đã ly hôn) và có 02 con; Tiền án: Có 03 tiền án. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2003/HS-ST ngày 20/02/2003 Toà án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt Nguyễn Văn Đ 24 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, buộc Đ bồi thường cho gia đình anh Nguyễn Văn T 500.000đồng (theo lời khai bị hại trị giá tài sản khoảng 500.000 đồng), cho tới nay anh T vẫn yêu cầu Đ phải bồi thường cho anh T số tiền trên; Đ chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/12/2004, đã nộp xong án phí hình sự và án phí dân sự trong án hình sự ngày 08/11/2004; chưa được xóa án tích. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2006/HSST ngày 19/01/2006 Toà án nhân dân thị xã Vĩnh Yên (Nay là thành phố Vĩnh Yên), tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt Nguyễn Văn Đ 42 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng trị giá tài sản là 8.750.000đồng, buộc Đ bồi thường cho ông Ô Quảng Phúc 1.500.000 đồng (hiện nay ông Phúc đã chết), bồi thường cho anh Nguyễn Văn T4 300.000đồng, quá trình xác minh anh T4 tiếp tục yêu cầu Đ bồi thường 300.000đồng. Đ đã thi hành xong án phí vào tháng 7/2009 và chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/8/2014; Bản án này nhận Đ tái phạm nguy hiểm; chưa được xóa án tích. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2006/HSST ngày 21/02/2006 của Toà án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, Bản án hình sự phúc thẩm số 29 ngày 21/4/2006 của Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc (tuyên y án sơ thẩm), tuyên phạt Nguyễn Văn Đ 42 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (trị giá tài sản chiếm đoạt 17.000.000đồng); buộc Đ phải trả cho ông Dương Giang S 5.000.000đồng, đã được Chi cục THADS thành phố Vĩnh Yên xác Đ không có điều kiện thi hành án và trả lại đơn yêu cầu thi hành án cho ông S , cho tới nay ông S vẫn yêu cầu Đ phải trả lại số

tiền 5.000.000đồng. Đ đã thi hành xong án phí vào tháng 7/2009 và chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/8/2014; Bản án này nhận Đ tái phạm nguy hiểm, chưa được xóa án tích. Tiền sự: Có 01 tiền sự; Tại Quyết Đ áp dụng biện pháp xử lý hành C1 số 05/QĐ-TA ngày 13/5/2022 Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc áp dụng biện pháp xử lý hành C1 đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Nguyễn Văn Đ thời hạn 01 năm 09 tháng. Ngày 18/12/2023 chấp hành xong. Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 07/HS-ST ngày 19/3/1999 Toà án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt Đ 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cuồng đoạt tài sản” và 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tổng hợp hình phạt C là 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng (Khi thực hiện hành vi phạm tội Đ chưa đủ 18 tuổi). Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 13/HSST ngày 20/3/2000 Toà án nhân dân thị xã Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt Nguyễn Văn Đ 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt của cả hai tội là 15 tháng tù. Tổng hợp với 12 tháng tù của Bản án số: 07 ngày 19/3/1999 của Toà án nhân dân huyện Tam Dương, buộc Đ phải chấp hành hình phạt C của cả hai bản án là 27 tháng tù. Đ đã chấp hành xong bản án ngày 30/7/2001. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2006/HSST ngày 24/01/2006 Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt Nguyễn Văn Đ 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, Đ đã chấp hành xong bản án ngày 18/8/2014. Tại Quyết Đ áp dụng biện pháp xử lý hành C1 số 20/2018/QĐ-TA ngày 28/12/2018 Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc áp dụng biện pháp xử lý hành C1 đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Nguyễn Văn Đ thời hạn 01 năm 06 tháng. Ngày 03/6/2020 chấp hành xong; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13 tháng 12 năm 2024 đến nay “có mặt”.

- *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị X , sinh năm 195X; địa chỉ: Tổ dân phố Gò Dung, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc “vắng mặt”.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Bà Phùng Thị M , sinh năm 196X; địa chỉ: Thôn L, xã H , huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc “có mặt”.

Anh Tô Viết C , sinh năm 199X; địa chỉ: Thôn B, xã Đồng Văn, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc “vắng mặt”.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 45 phút ngày 01/12/2024, Lê Quang T một mình đi bộ từ Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Vĩnh Phúc qua các tuyến phố tìm xem ai có tài sản sơ hở để trộm cắp. Khi T đi qua số nhà 77 đường Chùa Hà, phường Đ Trung, thành phố Vĩnh Yên thì nhìn thấy bà Nguyễn Thị X đi xe máy BKS: 88E1-075.06 nhãn hiệu Honda Wave RS màu đen có lắp giá sắt phía sau đến dựng xe trên vỉa hè, không rút chìa khoá, chiếc xe máy bị che khuất do dựng trước 01 xe đẩy hàng bán nước to, lợi dụng bà X đang đứng chờ lấy cháo và nói chuyện với ông Phạm Ngọc P (chủ nhà số 77), xung quanh không có ai quan sát để ý, nên T đã đi đến vị trí chiếc xe máy, ngồi lên xe, vặn chìa khoá, nổ máy và điều khiển xe máy vừa trộm cắp được đến nhà Nguyễn Văn Đ ở ngõ 3 đường Nguyễn Thị Minh Khai thuộc TDP Lê 1, phường HT, thành phố Vĩnh Yên. Khi gặp Đ, T nói với Đ “đi bốc hộ em ít cây”, sau đó Đ điều khiển xe máy BKS: 88E1-075.06 chở T từ nhà Đ đi theo đường Nguyễn Thị Minh Khai, hướng về huyện Yên Lạc. Trên đường đi, T nói với Đ là vừa lấy trộm được chiếc xe máy này ở đường Chùa Hà, phường Đ Trung và rủ Đ đi bán xe ở xã Đồng Văn, huyện Yên Lạc để lấy tiền tiêu xài, Đ đồng ý. Trên đường đi T bảo Đ dừng lại để tháo bỏ giá sắt phía sau xe máy vứt lại ven đường. Rồi T điều khiển xe máy chở Đ đi đến nhà của anh Tô Viết Chính, sinh năm 1994 ở thôn Báo Văn, xã Đồng Văn, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc để bán xe. Đến nơi, anh C1 không có ở nhà nên T và Đ đi chơi, uống nước ở xã Đồng Văn. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày T và Đ quay lại nhà anh C, T gọi cổng thì thấy anh C1 đi bộ ra. T hỏi anh C1 là có mua xe máy cũ không, anh C1 bảo với T không mua xe máy cũ. Lúc này có anh Tô Viết C đi đến (anh C là chú của anh Chính), anh C1 hỏi anh C có mua xe máy cũ không, thấy vậy anh C đi lại vị trí T, Đ và anh C1 đang đứng cùng chiếc xe máy BKS: 88E1-075.06, anh C hỏi về nguồn gốc chiếc xe máy, T trả lời đây là xe máy của T, đã bị mất đăng ký xe. Đ cũng nói với anh C đây là xe của T, để anh C tin tưởng. Sau đó, anh C đồng ý mua xe với giá 2.000.000 đồng. Anh C trả T 2.000.000 đồng tiền mặt, sau đó T nhờ anh C gọi xe taxi đi về phường Ngô Quyền, thành phố Vĩnh Yên; tại đây, T và Đ cùng nhau tiêu xài hết số tiền trên.

Sau khi phát hiện bị mất xe máy, bà X đã đến Công an phường Đ Trung trình báo. Cơ quan Công an đã tiến hành khám nghiệm hiện trường và đã triệu tập T lên làm việc, T đã đem 2.000.000 đồng đến gặp anh C xin lấy lại xe máy về giao nộp lại cho Cơ quan Công an để phục vụ công tác điều tra. Đồng thời tự nguyện giao nộp 01 chiếc áo khoác màu đen trắng, 01 quần dài vải màu đen, 01 đôi dép nhựa màu đen, 01 chiếc khăn trang màu trắng là trang phục, tư trang T mặc và sử dụng vào ngày thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Ngày 27/12/2024, Cơ quan điều tra tiến hành cho anh Tô Viết C1, Tô Viết C nhận dạng đối tượng đi cùng Lê Quang T tới bán xe máy mà T trộm cắp được. Kết quả nhận dạng, anh C1 và anh C đã nhận dạng đối tượng đi cùng T tới bán xe máy là Nguyễn Văn Đ .

Tại Kết luận số 150/KL-HĐĐG ngày 05/12/2024, Hội đồng Đ giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Vĩnh Yên kết luận: Chiếc xe máy BKS: 88E1-075.06..., xe đã cũ, đã qua sử dụng, đăng ký năm 2012, có giá 6.400.000đồng.

Về nguồn gốc chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave RS, BKS: 88E1-075.06 mà T trộm cắp: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra xác Đ xe máy là của bà Nguyễn Thị X nên đã trả lại cho bà X , bà X đã nhận lại xe máy và không có yêu cầu đề nghị gì. Đối với chiếc giá sắt dùng để chở hàng bà X gắn đằng sau yên xe máy, quá trình điều tra xác Đ , T và Đ đã tháo bỏ chiếc giá sắt vứt lại ven đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường HT, thành phố Vĩnh Yên. Cơ quan điều tra đã tiến hành cho đối tượng chỉ dẫn vị trí vứt bỏ giá sắt, nhưng không tìm thấy nên không thu hồi được. Bà X cho biết, chiếc giá sắt này bà X mua từ năm 2012 với giá 200.000đồng, nay bà X không yêu cầu Đ giá, không yêu cầu bồi thường đối với chiếc giá sắt này do dùng đã lâu, bị gỉ sét, không còn giá trị sử dụng.

Tại Cáo trạng số: 47/CT - VKSND.TPVY ngày 28 tháng 3 năm 2025 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên truy tố Lê Quang T về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; truy tố Nguyễn Văn Đ về tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo điểm đ khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên thực hành quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích đánh giá chứng cứ, tính chất nghiêm trọng của vụ án, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm

hình sự đối với các bị cáo đã giữ nguyên quyết Đ truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Quang T phạm tội: "Trộm cắp tài sản" và tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Quang T từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 03 tháng 12 năm 2024.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 13 tháng 12 năm 2024.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Đồng thời đề xuất quan điểm về xử lý vật chứng trong vụ án theo quy Đ của pháp luật.

Ý kiến của những người tham gia tố tụng:

Các bị cáo đều trình bày: Các bị cáo thừa nhận hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật nên đồng ý với Luận tội của Viện kiểm sát không có tranh luận gì. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra đã trình bày và xác nhận lời khai của bị cáo T về việc trộm cắp xe máy nhãn hiệu Honda Wave RS, BKS: 88E1-075.06, trên xe có 01 giá đeo hàng của bà là đúng. Nay bà đã nhận lại xe máy và không có yêu cầu đề nghị gì. Đối với chiếc giá sắt dùng để chở hàng gắn đằng sau yên xe máy bà mua từ năm 2012 với giá 200.000đồng, nay bà không yêu cầu Đ giá, không yêu cầu bồi thường đối với chiếc giá sắt này do dùng đã lâu, bị gỉ sét, không còn giá trị sử dụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phùng Thị M trình bày: Bà là mẹ đẻ của bị cáo T, trước khi bị bắt T có xin bà 2.000.000đồng để đem bồi thường chuộc xe về trả cho bị hại nên bà đã cho T số tiền 2.000.000đồng. Nay bà không yêu cầu T phải trả lại tiền cho bà.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Tô Viết C vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra anh C đều trình bày và xác nhận lời khai của bị cáo T và bị cáo Đ về việc bán xe máy nhãn hiệu Honda Wave RS, BKS: 88E1-

075.06 cho anh là đúng. Khi mua xe, anh không biết xe máy là tài sản do trộm cắp mà có. Đối với số tiền mua xe bị cáo T đã trả lại cho anh nên anh không có yêu cầu đề nghị gì.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng đã truy tố. Xét lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ...; kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Từ đó có đủ cơ sở để kết luận: Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân, ngày 01/12/2024, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của bà Nguyễn Thị X, Lê Quang T đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave RS màu đen, BKS: 88E1-075.06 của bà X đang dựng ở vỉa hè trước cửa nhà số 77, đường Chùa Hà, thành phố Vĩnh Yên, trị giá tài sản bị chiếm đoạt theo kết luận định giá là 6.400.000đồng; trên xe có gắn 01 chiếc giá sắt trị giá 200.000đồng (Giá chào hàng). Nguyễn Văn Đ không cùng tham gia thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, không có sự trao đổi, hứa hẹn trước với Lê Quang T, nhưng sau khi biết rõ chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave RS màu đen, BKS: 88E1-075.06 là tài sản do T trộm cắp mà có, Đ vẫn cùng T mang xe đi bán tại xã Đồng Văn, huyện Yên Lạc, được số tiền 2.000.000đồng T và Đ đã cùng nhau tiêu xài hết số tiền này. Hành vi của T đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Khoản 1 Điều 173 Bộ luật

hình sự quy Đ : "1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

Hành vi của Nguyễn Văn Đ đã cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2003/HSST ngày 20/02/2003 của Toà án nhân dân huyện Tam Dương; Bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2006/HSST ngày 19/01/2006 của Toà án nhân dân thị xã Vĩnh Yên và Bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2006/HSST ngày 21/02/2006 của Toà án nhân dân huyện Yên Lạc đều xác Đ là tái phạm nguy hiểm, chưa được xóa án tích. Như vậy, Nguyễn Văn Đ có 03 bản án đều xác Đ là tái phạm nguy hiểm và tới nay chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do lỗi cố ý, do vậy lần phạm tội này của Nguyễn Văn Đ thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Tội phạm và hình phạt được quy Đ tại điểm đ khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự. Điểm đ khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự quy Đ : "2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:... đ, Tái phạm nguy hiểm..."

[3] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Bị cáo T đã lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của bị hại đã lén lút chiếm đoạt tài sản có tổng trị giá 6.600.000đồng. Hành vi của bị cáo T đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo Đ mặc dù biết rõ tài sản do T phạm tội mà có nhưng vẫn cùng T đi bán tài sản, sau khi bán được tài sản T và Đ đã cùng nhau chi tiêu cho bản thân hết số tiền đã bán tài sản do T phạm tội mà có. Vì vậy, cần xử lý nghiêm các bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa C .

[4] Xét nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo, thấy rằng:

Các bị cáo đều có nhân thân xấu, bản thân Đ đã tái phạm nguy hiểm chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. T đã nhiều lần bị xử phạt hành C1 về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, và hành vi đánh bạc nhưng các bị cáo đều không lấy đó làm bài học cho bản thân lại thực hiện hành vi phạm tội, chứng tỏ các bị cáo đều là người coi thường pháp luật. Nhưng sau khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn

năm hối cải về hành vi phạm tội của mình nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy Đ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo Lê Quang T đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho bị hại; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ quy Đ tại điểm b, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo T, bị cáo Đ không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy Đ tại Điều 52 của Bộ luật hình sự. Do vậy, cần xử phạt các bị cáo với mức hình phạt tù tương xứng với tính chất mức độ về hành vi các bị cáo đã thực hiện như mức hình phạt ví đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác Đ trước khi bị khởi tố các bị cáo làm nghề lao động tự do, công việc không ổn Đ, thu nhập thấp, chỉ đủ nuôi sống bản thân các bị cáo, các bị cáo không có tài sản gì. Do vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

[6] Về dân sự và các vấn đề liên quan:

Về dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị mất, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết phần dân sự trong vụ án.

Đối với số tiền 2.000.000đồng bị cáo T trả cho anh C (người mua xe máy) để lấy lại xe máy trả cho bị hại là của bà Phùng Thị M (mẹ đẻ T) cho T. Nay bà M không có yêu cầu gì.

Đối với 01 chiếc áo khoác màu đen trắng, 01 quần dài vải màu đen, 01 đôi dép nhựa màu đen, 01 chiếc khẩu trang màu trắng, là trang phục T sử dụng vào ngày thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, là tài sản tư trang cá nhân của bị cáo T nhưng bị cáo T từ chối không nhận lại; tất cả các tài sản trên hiện không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với anh Tô Viết C1 và anh Tô Viết C, quá trình điều tra xác Đ, khi T và Đ tới tìm gặp trao đổi mua bán xe máy, anh C1 và anh C không biết chiếc xe máy T và Đ đem bán là tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh C1 và anh C. Đối với số tiền anh C trả cho T khi mua xe máy, T đã trả lại tiền cho anh C nên anh C không có yêu cầu đề nghị gì.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy Đ của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH :**

Tuyên bố bị cáo Lê Quang T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Quang T 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 03 tháng 12 năm 2024.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 13 tháng 12 năm 2024.

Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Đ vụ Quốc hội quy Đ về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc áo khoác màu đen trắng, 01 quần dài vải màu đen, 01 đôi dép nhựa màu đen, 01 chiếc khẩu trang màu trắng.

(Toàn bộ vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên lập ngày 28 tháng 4 năm 2025).

Về án phí: Buộc bị cáo Lê Quang T và bị cáo Nguyễn Văn Đ , mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết (Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ được kháng cáo những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình).

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND thành phố Vĩnh Yên;
- CQĐT - CA tỉnh VP;
- CQCSTHAHS-CA tỉnh VP;
- Chi cục THADS thành phố Vĩnh Yên;
- Các bị cáo và những người tham gia tố tụng;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phùng Thị Tố Uyên**

